TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/DS-PT
Ngày: 20 - 02 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DSST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2024/QĐPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Kim D; Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Bùi Văn K; Nơi cư trú: Số A, khóm B, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 30/12/2022).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Minh H; Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Trần Hồ N; Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 06/02/2023).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Dương Thị Bạch L.

2. Anh Nguyễn Văn H1.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H1: Chị Dương Thị Bạch L. (Văn bản ủy quyền ngày 09/01/2023).

Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Nguyễn Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Kim D và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Từ tháng 4/2022, chị Nguyễn Minh H vay tiền của chị, để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nên ngày 14/4/2022 chị H lập hợp đồng ủy quyền lại cho chị và giao cho chị giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Dương Thị Bạch L đứng tên. Tính đến ngày 18/8/2022 chị H đã vay của chị số tiền tổng cộng là 1.500.000.000 đồng, hai bên không có lập hợp đồng vay mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói, lãi suất là 2%/tháng. Tuy nhiên, đến nay chị H không trả vốn và lãi cho chị nên chị yêu cầu chị H phải trả cho chị tiền vốn gốc là 1.500.000.000 đồng và lãi suất 1,67%/tháng tính từ ngày 19/8/2022 đến ngày 24/10/2022 tương đương 54.275.000 đồng, tổng cộng là 1.554.275.000 đồng và yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Chị đồng ý giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho chị H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn tính lãi trên số tiền gốc đã vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Minh H và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Chị H không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị H thừa nhận có lập hợp đồng ủy quyền lại cho chị D và giao chị D giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Dương Thị Bạch L đứng tên nhưng việc ủy quyền này là để thực hiện việc làm ăn khác liên quan đến chị Phan Thị Bích T (cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long).

Tại bản tự khai ngày 30/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H1 và chị Dương Thị Bạch L trình bày:

Anh chị có vay của chị H số tiền 100.000.000 đồng và lập hợp đồng ủy quyền giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chị H làm tin. Sau khi vay anh chị trả lãi cho chị H đầy đủ nhưng chị H lại làm thủ tục ủy quyền lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người khác. Nay anh chị yêu cầu chị H giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh chị, anh chị đồng ý trả cho chị H số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị và chị H tự thỏa thuận thương lượng theo tờ cam kết ngày 20/02/2023 nên chị không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Nếu chị H không thực hiện theo cam kết thì chị sẽ khởi kiện chị H bằng vụ kiện dân sự khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 229, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Kim D về việc yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Minh H trả số tiền lãi trên số tiền vốn gốc đã vay 1.500.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị Trần Kim D.

Buộc chị Nguyễn Minh H có nghĩa vụ trả chị Trần Kim D số tiền vay còn nợ vốn là 1.500.000.000 đồng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Kim D là chị D có nghĩa vụ trả chị Nguyễn Minh H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DD 604965, số vào sổ cấp GCN: CS07102 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho chị Dương Thị Bạch L, sinh năm: 1982; địa chỉ thường trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh đối với thửa đất số 418, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.427,1m^2, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh khi chị Nguyễn Minh H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho chị Trần Kim D.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, bị đơn chị Nguyễn Minh H có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị đưa chị Phạm Thị Bích T1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Nguyễn Minh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Chị H xác định vay tiền của chị D 3 lần tiền tổng cộng bằng 400.00.000 đồng và đồng ý trả cho chị D số tiền vốn 400.000.000 đồng. Riêng số tiền vay 1.100.000.000 đồng chị không vay của chị D mà vay của chị T1 2 lần bằng số tiền 700.000.000 đồng do không có tiền đóng lãi chị T1 tính lãi nhập vốn thành tiền 1.100.000.000 đồng nên chị yêu cầu đưa chị T1 vào tham gia tố tụng để giải quyết. Hợp đồng ủy quyền lại lập ngày 14/4/2022 giữa chị H với chị D tại Văn phòng C1, đối với thửa đất 418, diện tích 7.427,1m^2, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do chị Dương Thị Bạch L đứng tên giấy chứng nhận là ký kết nhằm đảm bảo cho số tiền chị vay của chị T1 400.000.000 đồng. Chị H thừa nhận có nói chuyện điện thoại với chị D, anh Đ đúng nội dung như các file ghi âm do nguyên đơn cung cấp và không yêu cầu giám định giọng nói.

Anh K đại diện chị D không đồng ý các yêu cầu kháng cáo của chị H. Yêu cầu bác kháng cáo chị H, xử y án sơ thẩm. Xác định chị T1 không liên quan gì đến giao dịch vay tiền giữa chị D với chị H. Chị D cho chị H vay 4 lần tiền bằng số tiền 1.500.000.000 đồng, khi vay hai bên có ký kết hợp đồng ủy quyền lại lập ngày 14/4/2022 đối với thửa đất 418, diện tích 7.427,1m^2, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do chị Dương Thị Bạch L đứng tên giấy chứng nhận tại Văn phòng công chứng Lê Văn C là ký kết nhằm đảm bảo cho số tiền vay. Trong quá trình vay giữa chị D và chị H có chốt nợ và theo các file ghi âm cuộc nói chuyện giữa chị D với chị H thì chị H đều thừa nhận còn nợ chị D số tiền 1.500.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Minh H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Kim D

Buộc chị Nguyễn Minh H có nghĩa vụ trả cho chị Trần Kim D số tiền 1.500.000.000 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị D về việc yêu cầu chị H trả số tiền lãi trên số tiền gốc đã vay 1.500.000.000 đồng.

Vô hiệu hợp đồng ủy quyền lại lập ngày 14/4/2022 giữa chị H với chị D đối với thửa đất 418, diện tích 7.427,1m^2, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do chị Dương Thị Bạch L đứng tên giấy chứng nhận tại Văn phòng C1.

Buộc chị Trần Kim D có nghĩa vụ trả chị Nguyễn Minh H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DD 604965, số vào sổ cấp GCN: CS07102 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho chị Dương Thị Bạch L, đối với thửa đất số 418, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.427,1m^2, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của bị đơn anh Trần Hồ N; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị Bạch L và anh Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của chị D và chị H thừa nhận do hai bên có quen biết nhau trong công việc nên chị D có nhiều lần cho chị H vay tiền, mỗi lần vay do tin tưởng lẫn nhau hai bên không lập biên nhận vay. Tuy nhiên, để đảm bảo cho hợp đồng vay hai bên có ký kết hợp đồng ủy quyền đối với thửa đất 418, diện tích 7.427,1m^2, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do chị Dương Thị Bạch L đứng tên giấy chứng nhận tại Văn phòng công chứng Lê Văn C và chị H giao cho chị D giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các đương sự đều thừa nhận mục đích ký hợp đồng ủy quyền là giả tạo nhằm thế chấp để đảm bảo cho hợp đồng vay.

[3] Chị D cho rằng trong năm 2022, chị H hỏi vay của chị 0 lần tiền với tổng số tiền 1.500.000.000 đồng và không thỏa thuận lãi suất, gồm: lần thứ nhất cho vay số tiền 1.100.000.000 đồng, lần hai cho vay số tiền 250.000.000 đồng, lần thứ ba cho vay số tiền 100.000.000 đồng và lần thứ tư cho vay số tiền 50.000.000 đồng. Còn chị H thừa nhận chỉ vay chị D 3 lần tiền, gồm: vay số tiền 250.000.000 đồng, vay số tiền 100.000.000 đồng và vay số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng bằng số tiền 400.000.000 đồng chưa đóng lãi cho chị D, còn lại số tiền 1.100.000.000 đồng không có vay tiền của chị D.

Tại phiên tòa, chị H đồng ý trả cho chị D số tiền vay 400.000.000 đồng (gồm: số tiền 250.000.000 đồng, số tiền 100.000.000 đồng và số tiền 50.000.000 đồng) theo yêu cầu khởi kiện của chị D và anh K thống nhất nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chị D đối với số tiền trên là có căn cứ.

Còn lại số tiền vay 1.100.000.000 đồng chị H không đồng ý trả cho chị D vì cho rằng số tiền trên chị vay của chị T1 chứ không có vay của chị D. Xét chị H cho rằng không vay khoản tiền 1.100.000.000 đồng của chị D mà vay tiền của chị T1 nhưng tại hợp đồng ủy quyền lập ngày 14/4/2022 tại Văn phòng C1, đối với thửa đất 418, diện tích 7.427,1m^2, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh được xác lập giữa chị D với chị H. Các đương sự đều thừa nhận mục đích lập hợp đồng ủy quyền lại là nhằm để thế chấp cho số tiền vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H cung cấp tờ giấy tính vốn, lãi không ghi ngày tháng năm có nội dung: "*Lãi mới 9 Hà, 1,2 tỷ mới ->30 ngày = 420.000.000, củ 1,1 tỷ -> 20 ngày = 220.000.000, 250 triệu -> 20 ngày = 50.000.000 . Tiền mượn còn = 30.000.000*". Tại phiên tòa, chị H thừa nhận nội dung tờ giấy tính vốn lãi trên là chữ viết của chị D gửi chị H để chốt tiền vay, sau khi nhận được văn bản chốt nợ của chị D thì chị H không có ý kiến phản đối và chị H không đóng lãi theo văn bản chốt nợ của chị D.

Mặt khác, tại đoạn ghi âm cuộc hội thoại giữa anh Trần Lê Đ1 và chị Nguyễn Minh H, file video ghi lại cuộc nói chuyện chị Trần Kim D và chị Nguyễn Minh H (Bút lục 114 – 116) do chị D cung cấp thể hiện:

"*Dung: Em hỏi chị 1.500.000.000 đồng của em khi nào chị trả em vậy chị* H*?*

H*: Dung ơi, giờ chưa có tiền, gắng đi"...*

...Đông: Ủa rồi chị D *bên kia chị còn bao nhiêu*

H*: chưa nói gì hết tron á, tao mệt lo đối đầu với con này không à, bây giờ cái bằng khoán cả đóng luôn mà vay không được*

Đ1*: Ủa rồi 1,1 tỷ chị trả chỉ chưa*

H*: Chưa”...*

Tại phiên tòa, chị H thừa nhận nội dung đoạn ghi âm trên do chị nói chuyện với chị D, anh Đ1 và chị H không yêu cầu giám định giọng nói.

Do đó, có đủ căn cứ xác định chị H nợ chị D tổng số tiền 1.500.000.000 đồng, gồm các khỏang vay số tiền 1.100.000.000 đồng, số tiền 250.000.000 đồng , số tiền 100.000.000 đồng và số tiền 50.000.000 đồng. Chị H kháng cáo cho rằng chỉ vay chị D khoảng tiền số tiền 250.000.000 đồng , số tiền 100.000.000 đồng và 50.000.000 đồng, đồng ý trả chị D 400.000.000 đồng và không thừa nhận vay số tiền 1.100.000.000 đồng của chị D mà vay của chị T1 là không có căn cứ. Vì vậy, án sơ thẩm xử buộc chị H trả cho chị D số tiền vốn vay 1.500.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Chị H kháng cáo yêu cầu đưa chị Phạm Thị Bích T1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và chị H cung cấp các tài liệu cho rằng do chị T1 gửi chốt nợ với chị H liên quan khoản tiền vay 1.100.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập chị T1 đến Tòa án đối chất, xét xử nhưng chị T1 không có mặt và tại văn bản trình bày ý kiến ngày 25/01/2024 chị T1 khai chị không biết, không liên quan đến hợp đồng vay tài sản với chị D, chị H. Do đó, yêu cầu kháng cáo của chị H là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Các đương sự đều thừa nhận khi chị H vay tiền, giữa chị H với chị D có lập hợp đồng ủy quyền lại ngày 14/4/2022 giữa chị H với chị D tại Văn phòng C1, đối với thửa đất số 418, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.427,1m^2, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do chị Dương Thị Bạch L đứng tên giấy chứng nhận và các đương sự đều thừa nhận mục đích lập hợp đồng ủy quyền lại nhằm để thế chấp đảm bảo cho hợp đồng vay tài sản. Căn cứ Điều 116, Điều 122, Điều 123 và Điều 131 của Bộ luật dân sự thì hợp đồng ủy quyền lại lập ngày 14/4/2022 giữa chị H với chị D bị vô hiệu. Về xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu buộc chị H trả cho chị D số tiền vốn vay 1.500.000.000 đồng và buộc chị D trả cho chị H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DD 604965, số vào sổ cấp GCN: CS07102 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho chị Dương Bạch L, đối với thửa đất số 418, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.427,1m^2 là có căn cứ. Tuy nhiên, án sơ thẩm không tuyên vô hiệu hợp đồng ủy quyền lại ngày 14/4/2022 giữa chị H với chị D tại Văn phòng C1, đối với thửa đất số 418, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.427,1m^2 và cấp sơ thẩm “Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Kim D là chị D có nghĩa vụ trả chị Nguyễn Minh H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất số phát hành DD 604965, số vào sổ cấp GCN: CS07102 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho chị Dương Thị Bạch L, sinh năm: 1982; địa chỉ thường trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh đối với thửa đất số 418, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.427,1m^2, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh khi chị Nguyễn Minh H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho chị Trần Kim D" là không phù hợp nên cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm.

[6] Án phí dân sự: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000.000 đồng = 36.000.000 đồng + 3 % (1.500.000 đồng – 800.000.000 đồng) = 57.000.000 đồng và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Kim D về việc yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Minh H trả số tiền lãi trên số tiền vốn gốc đã vay 1.500.000.000 đồng; về hoàn trả án phí dân sự sơ thẩm cho chị Trần Kim D không có kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Minh H. Sửa một phần án sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 116, Điều 122, Điều 123 và Điều 131, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Kim D.

Buộc chị Nguyễn Minh H có nghĩa vụ trả chị Trần Kim D số tiền vốn vay là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Vô hiệu hợp đồng ủy quyền lại ngày 14/4/2022 giữa chị Nguyễn Minh H với chị Trần Kim D tại Văn phòng C1, đối với thửa đất số 418, tờ bản đồ số

35, diện tích 7.427,1m^2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho chị Dương Thị Bạch L.

3. Buộc chị Trần Kim D trả cho chị Nguyễn Minh H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DD 604965, số vào sổ cấp GCN: CS07102 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho chị Dương Thị Bạch L đối với thửa đất số 418, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.427,1m^2, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. Án phí:

Chị Nguyễn Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 57.000.000 đồng và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 4332, ngày 25/8/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long được khấu trừ, sau khi khấu trừ chị H phải nộp tiếp số tiền 56.700.000 đồng.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Kim D về việc yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Minh H trả số tiền lãi trên số tiền vốn gốc đã vay 1.500.000.000 đồng; về hoàn trả án phí dân sự sơ thẩm cho chị Trần Kim D không có kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H.TO: 01;
- VKSND H.TO: 01;
- Chi Cục THADS H.TO: 01;
- Đương sự: 04;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca